TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2025/DS-PT
Ngày: 12/09/2025
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hà Ngân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Chương và bà Nguyễn Thị Hải Âu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2025/TLPT-DS, ngày 17 tháng 06 năm 2025 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 16/04/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 298/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 08 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn G và bà Nguyễn Thị Q; Địa chỉ: Tổ B, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Đinh Văn T và bà Đỗ Bạch Hoàng Ý; Địa chỉ: Tổ C, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Ông T có mặt, bà Ý vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Xuân T1 và bà Trần Thị N; Địa chỉ: Tổ C, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị N: Ông Nguyễn Xuân T1. Địa chỉ: Tổ C, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

3.2. Ông Phan Đình T2; Địa chỉ: Buôn I, xã N, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

3.3. Ông Đỗ Xuân C; Địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

3.4. Ông Phạm Văn D; Địa chỉ: N, khu công nghiệp M, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Anh D1; Địa chỉ: Tổ C, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

4.2. Cháu Phan Thị Ánh T3; Địa chỉ: Tổ C, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của người làm chứng cháu Phan Thị Ánh T3: Ông Phan Văn G và bà Nguyễn Thị Quỳnh . Địa chỉ: Tổ B, xã K, tỉnh Lâm Đồng.

4.3. Ông Lương Mạnh H; Địa chỉ: Tổ C, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

4.4. Ông Doãn Văn H1; Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

4.5. Ông Phan Đình Q1; Địa chỉ: Tổ C, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

5. Người kháng cáo: Ông Phan Văn G và bà Nguyễn Thị Q

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày*:

Nguyên đơn cho ông T vay với tổng số tiền là 901.200.000đ, cụ thể như sau:

Nguyên đơn chuyển khoản nhiều lần vào tài khoản số: 5304205151551, tài khoản số: 5304777719999 của ông T từ ngày 20/02/2023 đến ngày 14/9/2023 với tổng số tiền 651.200.000đ.

Nguyên đơn cho ông T vay số tiền mặt 250.000.000đ vào ngày 23/8/2023, hai bên có lập và ký giấy vay tiền, thời hạn cho vay 60 ngày, không ghi lãi suất, ông T có ký và viết tên vào mục người vay tiền, con gái nguyên đơn là cháu Phan Thị Ánh T3 là người viết giúp giấy vay tiền.

Đến cuối năm 2023, nguyên đơn đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông T không chịu trả nợ, vì vậy nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án buộc ông T phải trả toàn bộ các khoản nợ. Tổng số tiền nợ gốc và lãi bị đơn phải thanh toán tạm tính đến ngày 24/6/2024 là: 748.489.000đ + 291.500.000đ = 1.039.989.000đ.

Quá trình giải quyết, sau khi kiểm tra lại, vì thấy cần bổ sung thêm chứng cứ, tài liệu nên ngày 13/01/2025, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể, rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 134.400.000đ trong tổng số tiền 651.200.000đ mà nguyên đơn đã chuyển vào tài khoản của ông T; Rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 162.000.000đ trong tổng số tiền 250.000.000đ theo giấy vay tiền đề ngày 23/8/2023.

Buộc ông T và vợ là bà Ý phải trả các khoản nợ sau khi rút là: 604.800.000đ.

Về lãi suất: Buộc Bị đơn phải trả tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 25/11/2023 (Ngày nguyên đơn nhắn tin yêu cầu bị đơn trả nợ) đến ngày

14/01/2025 là 13 tháng 20 ngày, thành tiền là 137.208.000đ. Bị đơn tiếp tục phải chịu tiền lãi mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 15/01/2025 cho đến khi thanh toán xong.

Ngày 25/6/2024, Nguyên đơn có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vì Bị đơn đang tiến hành thủ tục chuyển nhượng cho ông Nguyễn Xuân T1 và bà Trần Thị N thửa đất 527, tờ bản đồ 04, diện tích 150m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CE 455580 cấp ngày 02/3/2017 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng ngày 17/6/2024 với giá ghi trong hợp đồng là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng)

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đinh Văn T trình bày:* Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì:

Đối với số tiền 651.200.000đ được chuyển vào tài khoản của bị đơn từ ngày 20/02/2023 đến ngày 16/8/2023 đây là số tiền ông G trả nợ cho bị đơn.

Đối với số tiền 250.000.000đ tại giấy vay tiền đề ngày 23/8/2023, bị đơn thừa nhận có được ký, và viết tên "Đinh Văn T", tuy nhiên ông chỉ được thực nhận tiền mặt số tiền 47.500.000đ, vì đã bị trừ luôn số tiền lãi 2.500.000đ. Sau đó ông có vài lần xuống nhà ông G nhận thêm 4 lần, mỗi lần 50.000.000đ, tính lãi 500.000đ/10.000.000đ, không ký giấy vay, có người chứng kiến là ông Lương Mạnh H và ông Doãn Văn H1. Số tiền nợ trên ông đã trả đủ cho nguyên đơn.

Ông yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 237/2024/QĐ-BPKCTT ngày 27/6/2024, biện pháp "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ".

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đỗ Bạch Hoàng Ý trình bày:* Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì không liên quan đến các khoản vay trên. Bà Ý yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 237 ngày 27/6/2024.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân T1 và bà Trần Thị N trình bày:* Ông bà nhận chuyển nhượng thửa đất 527 với giá 3.200.000.000đ (*ba tỷ hai trăm triệu đồng*) của ông T và bà Ý, đã thanh toán 2.200.000.000đ, số còn lại đến ngày 06/02/2025 trả hết. Ngày 17/6/2024, hai bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng với giá ghi trong hợp đồng là 1.000.000.000đ được chứng nhận tại UBND thị trấn Đ. Về nội dung vụ án, ông bà không có ý kiến, không có yêu cầu độc lập.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Xuân C trình bày:* Vào ngày 12/10/2023, ông T đưa tiền mặt 60.000.000đ nhờ ông chuyển khoản cho ông G để trả nợ. Đây không phải là tiền trả cắm xe. Về nội dung vụ án, ông không có ý kiến.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn D trình bày:* Không có việc ông T không nhờ ông đưa số tiền mặt 65.000.000đ để trả nợ cho ông G. Ông không biết, không liên quan đến vụ án.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 16/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Tuyên xử*: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 296.400.000đ và tiền lãi 1,66%/tháng tính từ ngày 25/11/2023 đến ngày 16/4/2025 và cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là bà Ý phải có nghĩa vụ cùng bị đơn là ông T phải trả tiền cho nguyên đơn.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông T phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 672.575.00đ.

4. Buộc bị đơn ông T phải trả cho nguyên đơn số tiền 100.222.000đ trong đó tiền gốc 88.000.000đ, tiền lãi 12.222.000đ.

5. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 237/2024/QĐ-BPKCTT ngày 27/6/2024 của TAND huyện Krông Nô.

Ngoài ra Bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/4/2025, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa

Nguyên đơn là ông G, bà Q yêu cầu bị đơn là ông T và bà Ý cùng liên đới trả số tiền nợ gốc 516.800.000đ theo các giao dịch chuyển khoản từ ngày từ ngày 20/02/2023 đến ngày 14/9/2023, không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền trên. Đồng ý với các nội dung còn lại của Bản án sơ thẩm

Bị đơn là ông T yêu cầu hủy bỏ biện khẩn cấp tạm thời số 237/2024/QĐ-BPKCTT ngày 27/6/2024 của TAND huyện Krông Nô

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án. Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 16/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9) theo hướng: Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 237/2024/QĐ-BPKCTT ngày 27/6/2024 về *"Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ"*.

Về án phí phúc thẩm: Do bản án bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông G, bà Q nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[2]. Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo.

2.1. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là 134.400.000 đồng trong tổng số 651.200.000 đồng đã chuyển khoản cho ông T và 162.000.000 đồng trong tổng số 250.000.000 đồng ghi trong giấy vay ngày 23/8/2023, cùng phần tiền lãi tương ứng. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ phần yêu cầu này là có căn cứ pháp luật.

2.2. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 88.000.000đ, tiền nợ lãi 12.222.000đ, tổng cộng 100.222.000đ. Các đương sự không kháng cáo và không có ý kiến gì tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

2.3. Đối với yêu cầu buộc bà Đỗ Bạch Hoàng Ý phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng ông T, các tài liệu chứng cứ thể hiện, bà Ý không liên quan đến việc vay nợ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là phù hợp.

2.4. Đối với khoản 516.800.000 đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả từ các giao dịch chuyển khoản từ ngày từ ngày 20/02/2023 đến ngày 14/9/2023

Ông T thừa nhận số tiền trên là đúng nguyên đơn đã chuyển khoản vào các tài khoản của ông T, nên đây là tình tiết không phải chứng minh.

Ông T không thừa nhận đây là các khoản nợ của ông T đối với ông G, ban đầu ông T cho rằng đây là các khoản tiền ông G trả nợ cho cho ông T mà ông G đã vay của ông T trước đó vào tháng 01/2023 (Bl:142, 143), trong giai đoạn sau và tại phiên tòa, ông T lại cho rằng, đây là các khoản tiền ông G trả tiền cho ông T do ông G do thua cá độ. Lời khai của ông T là không thống nhất, không có có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh, nên không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với các tài liệu chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ngoài các bản sao kê giao dịch ngân hàng, nguyên đơn đã cung cấp thêm là các tin nhắn zalo, trong đó thể hiện thời gian, nội dung:

Ngày 23/11/2023: *Anh lo kiếm tiền trả cho em nha hình như cũng gần tết;*

Vào ngày 25/11/2023:

...

Anh không lên nói chuyện với em thì em phải gửi đơn lên tòa thôi

Ông T có 02 tin nhắn trả lời:

Lần 1 vào ngày 11/10/2023: *Nhanh là thứ 6 tới, chậm là thứ 5 tuần sau anh đưa trước 100 không phải gọi đâu;*

Lần 2 vào ngày 19/10/2023: *Cho anh thêm mấy ngày nữa ký xong hết rồi đang lo làm đám giỗ ông già xong ngày 8 âm anh lên GN a gửi*

Các đoạn tin nhắn trên đã thể hiện rõ nguyên đơn yêu cầu ông T trả nợ, ông T đã thừa nhận và hứa sẽ trả nợ, thời gian đòi nợ phù hợp với thời điểm sau khi kết thúc việc chuyển khoản. Mặc dù ông T cho rằng, nội dung các tin nhắn trên là trong một quan hệ vay nợ khác giữa ông T và bà Q, nhưng lời khai trên của ông T là không có cơ sở. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp các giao dịch chuyển khoản từ từ ngày 20/02/2023 đến ngày 14/9/2023 là các khoản ông T nợ ông G, bà Q là không phù hợp.

2.7. Về lãi suất đối với khoản vay chuyển khoản 516.800.000đ, nguyên đơn không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.8. Về yêu cầu hủy biện pháp khẩn cấp tạm thời của bị đơn tại phiên tòa, theo hướng dẫn tại mục 12 phần III Công văn 196/TANDTC ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân tối cao. Khoản 2, khoản 3 Điều 12 Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao và Điều 126, khoản 4 Điều 133 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không được áp dụng biện pháp phong tỏa khi giá trị tài sản vượt quá so với nghĩa vụ. Do đó, việc cấp sơ thẩm tiếp tục duy trì phong tỏa thửa đất 527 là không có căn cứ, cần hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 237 ngày 27/6/2024.

[3]. Từ các phân tích nêu trên, cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Không chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 16/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9)

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng đã nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn G và bà Nguyễn Thị Q, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 16/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng).

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn G và bà Nguyễn Thị Q yêu cầu ông Đinh Văn T, bà Đỗ Bạch Hoàng Ý phải trả nợ đối với số tiền nợ gốc 296.400.000 đồng.

Ông Phan Văn G và bà Nguyễn Thị Q có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Đỗ Bạch Hoàng Ý phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Đinh Văn T trả nợ cho nguyên đơn.

3. Buộc ông Đinh Văn T phải trả cho ông Phan Văn G và bà Nguyễn Thị Q các khoản nợ cụ thể như sau:

- Số tiền nợ gốc theo các giao dịch chuyển khoản từ ngày từ ngày 20/02/2023 đến ngày 14/9/2023 là: 516.800.000đ
- Số tiền nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 23/8/2023: 88.000.000đ
- Số tiền nợ lãi theo giấy vay tiền ngày 23/8/2023: 12.222.000đ

Tổng cộng: **617.022.000đ** (*sáu trăm mười bảy triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng*)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

4. Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 237/2024/QĐ-BPKCTT ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "*Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ*" đối với thửa đất số 527, tờ bản đồ số 04, diện tích 150 m^2 theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 455580, số vào sổ cấp GCN: CS 02501, do Sở T4 cấp ngày 02/3/2017 mang tên ông Đinh Văn T và bà Đỗ Bạch Hoàng Ý.

5. Về án phí dân sự

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Đinh Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.681.000đ (*hai mươi tám triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn đồng*)

Ông Phan Văn G và bà Nguyễn Thị Q được nhận lại số tiền 21.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Phan Văn G, bà Nguyễn Thị Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0008008 ngày 24/6/2024.

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn G và bà Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho Ông Phan Văn G và bà Nguyễn Thị Q số tiền 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008333 ngày 13-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông *(nay là Phòng thi hành án Dân sự khu vực 9 – Lâm Đồng)*.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 9 – Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 9 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 9 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Dương Hà Ngân